

Số: 2021/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2021

**(Dự thảo)**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi  
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG  
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ ...**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật giá ngày 20/6/2012;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;*

*Căn cứ Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 23/7/2021 của Chính phủ về giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021;*

*Căn cứ Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính quyết định giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày... tháng .....năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2021; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2021 của Ban Kinh tế- Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2021.

2. Đối tượng áp dụng: Các đơn vị được giao quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, bao gồm: Ban quản lý, khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang, các Ban quản lý công trình thủy lợi liên xã, xã, Hợp tác xã Nông lâm nghiệp (*Sau đây gọi tắt là các Ban quản lý công trình thủy lợi*); các hộ gia đình, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Nghị quyết này không áp dụng đối với các công trình thủy lợi xây dựng theo hình thức đối tác công tư và các công trình thủy lợi đầu tư xây dựng không sử dụng vốn nhà nước.

## **Điều 2. Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi**

1. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa. Cụ thể như biểu sau

<b>TT</b>	<b>Biện pháp công trình</b>	<b>Giá (1.000đồng/ha/vụ)</b>
1	Tưới tiêu bằng động lực	1.811
2	Tưới tiêu bằng trọng lực	1.267
3	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.539

a) Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì thu bằng 60% giá quy định tại biểu trên.

b) Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì thu bằng 40% giá quy định tại biểu trên.

c) Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì thu bằng 50% giá quy định tại biểu trên.

d) Trường hợp phải tạo nguồn từ 2 bậc trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi được tính tăng thêm 20% so với giá quy định tại biểu trên.

đ) Trường hợp phải tách riêng mức giá cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích thì mức giá cho tưới được tính bằng 70%, cho tiêu được tính bằng 30% giá quy định tại biểu trên;

2. Mức giá đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông được tính bằng 40% giá đối với đất trồng lúa.

3. Mức giá đối với cấp nước để chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu như biểu sau:

<b>TT</b>	<b>Các đối tượng dùng nước</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Mức giá theo các biện pháp công trình</b>	
			<b>Bơm</b>	<b>Hồ đập, kênh cống</b>
3.1	Cấp nước cho chăn nuôi	đồng/m <sup>3</sup>	1.320	900

3.2	Cấp nước để nuôi trồng thủy sản	đồng/m <sup>3</sup>	840	600
		đồng/m <sup>2</sup> mặt thoáng/năm	250	
3.3	Cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu	đồng/m <sup>3</sup>	1.020	840

Trường hợp cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, cây dược liệu nếu không tính được theo mét khối (m<sup>3</sup>) thì thu theo diện tích (ha), mức thu bằng 80% giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa cho một năm theo quy định.

4. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi quy định tại Điều này là giá không có thuế giá trị gia tăng.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng các quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

### **Điều 4. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, kỳ họp thứ .. thông qua ngày ... tháng .... năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.... tháng ..... năm 2021./.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ Tài chính; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy; HĐND, UB MTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh Ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh ;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang- Công báo Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Lưu: VT, Chuyên viên VP HĐND tỉnh.

**CHỦ TỊCH**

